

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 10/2022



A. HỎI ĐÁP

B. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Không còn giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp
2. Điều chỉnh về cách xếp lương đối với một số công chức, viên chức.
3. Mức giá đăng kiểm ô tô tăng 10.000 đồng
4. Công văn trả lời về thuế

C. CÁC QUY ĐỊNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.
2. Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể
3. Sửa đổi một số quy định liên quan đến kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải
4. Quy định về định danh và xác thực điện tử.

D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Thông tư số 59/2022/TT-BTC ngày 29/09/2022 của Bộ Tài chính.
2. Quyết định 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/09/2022 của Thủ tướng.
3. Quyết định số 2268/QĐ-BHXH ngày 06/09/2022 của BHXH Việt Nam.
4. Quyết định số 1854/QĐ-BTC ngày 13/09/2022 của Bộ Tài chính.



A. HỎI ĐÁP



1. Công ty tôi kinh doanh chuyên nhượng Bất Động Sản, hàng tháng có phát sinh tờ khai thuế 01/GTGT và 02/GTGT. Tháng 01/2022 chúng tôi có nộp tờ khai 01/GTGT và 02/GTGT thì có nhận thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử, đến nay cán bộ thuế có báo DN là không nộp lại tờ khai thuế 02/GTGT và yêu cầu nộp lại tờ khai. DN đã giải trình và đưa ra thông báo chấp nhận hồ sơ thì cán bộ có tra cứu và báo DN có nộp sai cơ quan quản lý, DN có kiểm tra lại tờ khai 02/GTGT vẫn làm đúng là CCT quận 1 và thông báo nhận kết quả là Cục Thuế TPHCM chấp nhận(chúng tôi nộp đúng ngày và hoàn toàn không thể chọn chi cục khi nộp điện tử). Vậy trường hợp DN tôi cần làm những thủ tục gì để cập nhật lại tờ khai thuế và nếu nộp lại theo yêu cầu thì có bị phạt không?

Căn cứ Điều 44 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 13/06/2019

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 7, điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều của Luật quản lý thuế,

Căn cứ Điều 8 Thông tư số 19/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/03/2021 quy định về Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

Căn cứ dữ liệu trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, hồ sơ khai thuế của NNT kỳ T01/2022 mẫu 02/GTGT nộp vào Chi cục Thuế Quận 1 chỉ có Tờ khai bổ sung lần 1 ngày 24/03/2022. Thông báo của Tổng cục thuế số 64798/7902/2022/TB-TĐT ngày 24/03/2022 về việc :Không chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử kỳ thuế tháng 01/2022, kết quả trạng thái: TMS - Gợi tin ghi sổ nhận hồ sơ không thành công do lỗi của NNT, lý do lỗi: NNT chưa có HSKT chính thức cho kỳ tính thuế T01/2022.

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 19/2001/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/03/2021 quy định về Hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế:

Căn cứ các quy định nêu trên:

+ Chi cục Thuế Quận 1 không có dữ liệu Tờ khai thuế GTGT Khấu trừ - DAĐT (theo mẫu 02/GTGT) kỳ kê khai tháng 01/2022 NNT nộp vào ngày 19/02/2022 như trong công văn của NNT.

+ Dữ liệu trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (website: <http://thuuedientu.tct.vn>) hồ sơ khai thuế của NNT kỳ tháng 01/2022 mẫu Tờ khai thuế GTGT Khấu trừ - DAĐT nộp vào Chi cục Thuế Quận 1 chỉ có Tờ khai bổ sung lần 1 ngày 24/03/2022. Thông báo của Tổng cục thuế số 64798/7902/2022/TB-TĐT ngày

24/03/2022 về việc: Không chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế 01/2022, kết quả trạng thái: TMS - Gợi tin ghi sổ nhận hồ sơ không thành công do lỗi của NNT, lý do lỗi: NNT chưa có HSKT chính thức cho kỳ tính thuế tháng 01/2022.

+ Trường hợp NNT nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.

Chi cục Thuế Quận 1 trả lời để quý doanh nghiệp được biết và thực hiện./.

2. Tiền thuế TNCN từ nghiên cứu đề tài được đơn vị tôi áp dụng theo Điểm I Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính: “Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân.”.

Vậy, khi ký hợp đồng thuê khoán chuyên môn giữa đơn vị chủ trì đề tài và các thành viên nghiên cứu thì tổng giá trị hợp đồng là giá trị trước khi khấu trừ thuế TNCN hay giá trị sau khi khấu trừ?

Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và nghị định số 65/2013/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân:

+ Tại Điều 2 các khoản thu nhập chịu thuế:

“...2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công

Thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập người lao động nhận được từ người sử dụng lao động, bao gồm:...

c) Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức như: tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, tiền hoa hồng giới giới; tiền tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật tiền tham gia các dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy; tiền tham gia biểu diễn văn hoá, nghệ thuật, thể dục, thể thao, tiện dịch vụ quảng cáo; tiện dịch vụ khác, thù lao khác...”

+ Tại Điều 8 xác định thu nhập chịu thuế từ kinh doanh, tiền lương, tiền công:

“...2. Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

a) Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công, tiền thù lao, các khoản thu nhập khác có tính chất tiền lương, tiền công nhà người nộp thuế nhận được trong kinh tế theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 Thông 11 này.

b) Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế...”

+ Tại Điểm i, Khoản 1, Điều 25 khấu trừ thuế TNCN:

“1. Khấu trừ thuế

Khấu trừ thuế là việc tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện tình từ số thuế phải nộp vào thu nhập của người nộp thuế trước khi trả thu nhập, cụ thể như sau:

...i) Khấu trừ thuế đối với 1 số trường hợp: Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân...”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Đơn vị trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng với công ty mà có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân theo quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 25 Thông tư số 01/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

Nội dung vướng mắc liên quan đến ký hợp đồng không thuộc thẩm quyền hướng dẫn của cơ quan thuế. Đề nghị Độc gia nghiên cứu quy định của pháp luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan để thực hiện đúng quy định.

3. Tháng 2.2022 Công ty em xuất 1 tờ hóa đơn của nghị định 51, trong đó có rất nhiều mặt hàng trên hóa đơn, tất cả thuế suất đều 10%, đồng thời hóa đơn bên em đăng ký cũng chỉ 1 dòng thuế suất. Cho đến tháng 9.2022 bên em xác nhận, và phát hiện sai thuế suất trên hóa đơn tháng 2.2022, có 1 vài mặt hàng chịu thuế suất 8%. Nhưng do tháng 4.2022 bên em chuyển hóa đơn điện tử theo TT78 Nghị Định 123, nên không thể xuất điều chỉnh, nhưng nếu công ty em xuất thay thế thì phải xuất 2 tờ hóa đơn vì hóa đơn tháng 2 đó có 2 loại thuế suất, tuy nhiên cũng chưa có thông tư nào quy định 1 hóa đơn hủy xuất thay thế được 2 tờ hóa đơn. Vậy trong trường hợp mình không thể xuất được hóa đơn thay thế, vậy mình có thể xuất điều chỉnh hóa đơn đó không mặc dù khác hóa đơn hủy và hóa đơn điều chỉnh khác Nghị định không ạ? mà chúng tôi không cần đăng ký thêm mẫu hóa đơn mới vì theo dõi rất bất tiện.

Căn cứ Điều 2 Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/6/2022 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 6 Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ tài chính quy định về việc hướng dẫn thực hiện 1 số điều của Luật quản lý thuế ngày 13/6/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty độc giả có nhiều mặt hàng có mức thuế suất khác nhau, khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn giá trị gia tăng phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ.

Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và quy định tại Thông tư 78, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn này có sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2000/NĐ-CP và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”.

4. Kính gửi Tổng Cục Thuế. Công ty tôi có trụ sở chính tại quận 1, Hồ Chí Minh. Công ty tôi có phát sinh hoạt động xây dựng ngoại tỉnh (cụ thể là ở Long An). Theo đó, chúng tôi sẽ phải nộp thuế GTGT vắng lai cho hoạt động này. Nhưng theo thông tư cũ, tờ khai GTGT Mẫu 01 có phần chỉ tiêu số [39] cho phần thuế GTGT vắng lai đã nộp ở tỉnh khác, nhưng theo thông tư 80, Mẫu 01 đã bỏ chỉ tiêu này và có đề cập việc số thuế đã nộp ở tỉnh khác sẽ được tự bù trừ với số thuế GTGT phải nộp tại trụ sở chính. Như vậy, Công ty tôi hiện đang có số thuế GTGT được khấu trừ chuyển sang kỳ sau, không phát sinh số thuế phải nộp, tôi cần phải ghi nhận số thuế GTGT vắng lai này như thế nào vì theo Mẫu GTGT 01 không còn chỉ tiêu này nữa, tôi có được tự trừ phần giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra và phần thuế GTGT của hoạt động xây dựng vắng lai này ra khỏi tờ khai Mẫu 01 hay không? Nếu không thì làm sao để theo dõi số tiền thuế GTGT đã nộp này vì Công ty tôi không phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp. Kính mong Cục thuế giải đáp giúp. Xin trân trọng cảm ơn

Chi cục Thuế Quận 1 có ý kiến như sau:



Căn cứ Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 110/QĐ-BTC ngày 14/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố và Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố quy định nhiệm vụ và quyền hạn:

Đề có cơ sở trả lời vướng mắc nêu trên, Đội Tuyên truyền – Hỗ trợ người nộp thuế đã liên hệ với người nộp thuế thông qua số điện thoại thể hiện trên Phiếu hỏi đáp số 2960922-6 và ghi nhận thông tin như sau:

+ Hiện tại Ông/Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như đang làm việc tại Công ty TNHH Siemens Gamesa Renewable Energy có trụ sở tại Quận 1 - Mã số thuế: 0314536810 – Cơ quan thuế quản lý: Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh,

+ Theo trình bày của người nộp thuế, vướng mắc về xử lý số thuế giá trị gia tăng đã nộp của hoạt động xây dựng ngoại tỉnh liên quan đến nghĩa vụ thuế của Công ty TNHH Siemens Gamesa Renewable Energy,

Do đó, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế quản lý của Công ty TNHH Siemens Gamesa Renewable Energy là Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh để được hỗ trợ xử lý

5. Chi tiền ban kiêm nhiệm cho ban quản lý công trình do xã làm chủ đầu tư (ban quản lý chương trình mục tiêu quốc gia xã ...)

Theo Điểm 4 Điều 3 Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021: “4. Hàng năm, chủ đầu tư, BQLDA căn cứ thời gian thực hiện dự án, hình thức tổ chức quản lý dự án, quy mô và đặc điểm công việc quản lý dự án, các chế độ chính sách có liên quan để xác định chi phí quản lý dự án của từng dự án cho phù hợp với khối lượng nhiệm vụ, công việc quản lý dự án trong năm và chịu trách nhiệm về nội dung này. Chủ đầu tư, BQLDA có trách nhiệm đảm bảo đủ chi phí quản lý dự án để tổ chức, thực hiện quản lý dự án cho đến khi dự án được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định”.

Vậy, theo khoản này thì Ban quản lý công trình cấp xã được quyết toán như thế nào? Ban quản lý được chi những nội dung gì?

Kính mong Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể để cấp xã được quyết toán đúng quy định.

1. Về hình thức quản lý dự án:

Việc lựa chọn hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. Theo đó, các hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng được áp dụng là: Ban QLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực, Ban quản lý đầu tư xây dựng một dự án, Chủ đầu tư tự chức thực hiện quản lý dự án, Thuê tư vấn quản lý dự án.

Căn cứ tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 14/9/2022 của Chính phủ quy định, về việc tổ chức quản lý dự án đề nghị độc giả có văn bản gửi Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

2. Về quyết toán và nội dung chi quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công:

Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công và Ban quản lý xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 14/9/2022 của Chính phủ cũng là một trong các hình thức quản lý dự án theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (theo ý kiến của Bộ Xây dựng và Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thì việc quyết toán và nội dung chi quản lý dự án được thực hiện như sau:

2.1. Về quyết toán:

Căn cứ Điều 31 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Hiện nay việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công được thực hiện Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

2.2. Về nội dung chi phí quản lý dự án:

Căn cứ Điều 30 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Đề nghị độc giả căn cứ vào các quy định nêu trên để thực hiện. Trường hợp còn vướng mắc về nội dung chi phí quản lý dự án, đề nghị độc giả văn bản gửi Bộ Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện theo quy định. Trường hợp còn vướng mắc về kiêm nhiệm quản lý dự án, đề nghị độc giả có văn bản gửi Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để được xem xét, xử lý theo quy định.

Bộ Tài chính có ý kiến trả lời để Quý Độc giả biết và thực hiện theo đúng quy định./.





B. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Không còn giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp
2. Điều chỉnh về cách xếp lương đối với một số công chức, viên chức.
3. Mức giá đăng kiểm ô tô tăng 10.000 đồng
4. Công văn trả lời về thuế

Start-up!



1. Không còn giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp

Chính sách hỗ trợ giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động từ ngày 1-10-2021 đến 30-9-2022 được đề cập tại Nghị quyết số 116/NQ-CP năm 2021.

Cụ thể: "Người sử dụng lao động được giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp". Trong đó, nhóm đối tượng được giảm 1% mức đóng bảo hiểm thất nghiệp (từ ngày 1-10-2021 đến ngày 30-9-2022) là người sử dụng lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp trước ngày 1-10-2021.

Người sử dụng lao động được giảm mức đóng nêu trên không bao gồm các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Như vậy, từ ngày 1-10-2022, người sử dụng lao động sẽ không còn được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp. Khi đó, mức đóng bảo hiểm thất nghiệp sẽ quay về mức 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

2. Điều chỉnh về cách xếp lương đối với một số công chức, viên chức.

Tháng 10/2022 cũng đánh dấu thời điểm chính thức hiệu lực của loạt Thông tư mới, điều chỉnh về cách xếp lương đối với một số công chức, viên chức. Cụ thể như sau:

Ngày có hiệu lực	Văn bản	Công chức, viên chức	Cách xếp lương mới
06/10/2022	Thông tư số 08/2022/TT-BNNPTNT	Công chức kiểm dịch động vật	Hệ số lương từ 1,86 đến 6,38
		Công chức kiểm dịch thực vật	
		Công chức kiểm soát đê điều	
		Công chức kiểm lâm	Hệ số lương từ 1,86 đến 6,78
		Công chức kiểm ngư	
		Công chức thuyền viên kiểm ngư	
Ngày 10/10/2022	Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT	Viên chức biên tập viên	Hệ số lương từ 2,34 đến 8,00
		Viên chức phóng viên	
		Viên chức biên dịch viên,	
		Viên chức đạo diễn truyền hình	
Ngày 15/10/2022	Thông tư 07/2022/TT-BNV	Viên chức lưu trữ	Hệ số lương từ 1,86 đến 3,00

3. Mức giá đăng kiểm ô tô tăng 10.000 đồng

Thông tư 55/2022/TT-BTC sửa đổi Thông tư 238/2016/TT-BTC quy định giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới có hiệu lực từ ngày 8/10. Theo thông tư trên, mức giá đăng kiểm ô tô sẽ tăng thêm 10.000 đồng.

Cụ thể, đối với xe tải, xe ô tô đầu kéo và các loại xe ô tô chuyên dùng có mức giá lần lượt là 290.000 đồng, 360.000 đồng và 570.000 đồng. Đối với máy kéo, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và các loại phương tiện vận chuyển tương tự và rơ moóc, sơ mi rơ moóc là 190.000 đồng.

Ngoài ra, các xe ô tô chở người, xe buýt, xe cứu thương lần lượt có mức giá 250.000 - 360.000 đồng; xe ba bánh và các loại phương tiện vận chuyển tương tự giá 110.000 đồng.

4. Công văn số 2910/TCT-CS ngày 09/08/2022 về chính sách thuế TNDN từ hoạt động thương mại không gắn với dự án đầu tư từ địa bàn ưu đãi

Theo Tổng Cục thuế, doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật thuế TNDN. Nếu trong quá trình hoạt động có phát sinh hoạt động thương mại nhưng không gắn với dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi và không tăng vốn đầu tư thì khoản thu nhập từ hoạt động này không được hưởng ưu đãi đầu tư theo địa bàn ưu đãi.

5. Công văn số 2819/TCT-CS ngày 03/8/2022 về vướng mắc chính sách thuế lệ phí trước bạ

Theo Tổng Cục thuế, trường hợp doanh nghiệp được nhà nước giao đất để thực hiện dự án kinh doanh gồm nhiều phần diện tích đất có mục đích sử dụng khác nhau để xây dựng các hạng mục công trình có mục đích sử dụng khác nhau, nay doanh nghiệp đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì mức thu lệ phí trước bạ được tính tối đa là 500 triệu đồng cho một lần cơ quan quản lý nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.





C. QUY ĐỊNH VỀ KẾ - KIỂM TOÁN, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu DN, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại DN.
2. Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể
3. Sửa đổi một số quy định liên quan đến kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải
4. Quy định về định danh và xác thực điện tử.



1. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp tại Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 31/10/2022, trong đó quy định Cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm rà soát, xác định các khoản phải thu về Quỹ (bao gồm nợ gốc và lãi chậm nộp) đối với tiền thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thu vào ngân sách trung ương/địa phương theo phân cấp (bao gồm cả khoản phải thu tại doanh nghiệp đã thực hiện thoái hết vốn nhà nước, doanh nghiệp đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (SCIC) (bao gồm cả các doanh nghiệp SCIC đã thoái hết vốn)) và các khoản phải nộp về Quỹ nhưng doanh nghiệp hoặc địa phương chưa nộp về Quỹ theo quy định.

Đối với các khoản đã tạm ứng từ Quỹ cho hoạt động chuyển nhượng vốn nếu số thu từ chuyển nhượng vốn và khoản tạm ứng chi phí chuyển nhượng vốn cao hơn chi phí hợp lý thực tế liên quan đến chuyển nhượng vốn thì thực hiện quyết toán và nộp khoản chênh lệch về ngân sách nhà nước (NSNN), nếu thấp hơn thì đề nghị NSNN cấp bổ sung phần chênh lệch.

Về xử lý lãi chậm nộp về Quỹ phát sinh trước thời điểm Nghị định số 148/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 01/04/2022):

Các khoản lãi chậm nộp phát sinh trước ngày 01/4/2022 được xác định bằng số tiền nợ gốc x Số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày. Trong đó số ngày chậm nộp tính từ ngày hết hạn nộp tiền về Quỹ theo quy định đến hết ngày 31/3/2022.

Đối với các doanh nghiệp thực hiện CPH theo các quy định ban hành trước ngày Nghị định số 126/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì thời điểm bắt đầu tính lãi chậm nộp đối với tiền thu từ cổ phần hóa phải nộp (bao gồm cả tiền thu từ bán cổ phần lần đầu) là sau 60 ngày kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

Doanh nghiệp đã nộp hết nợ gốc được xem xét xử lý miễn lãi chậm nộp theo các trường hợp, trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn lãi chậm nộp tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, cụ thể:

- Đối với DN có kết quả kinh doanh thua lỗ và/hoặc còn lỗ lũy kế đến thời điểm được xem xét miễn lãi chậm nộp, việc miễn lãi chậm nộp được xem xét, xử lý theo từng năm tài chính. Cụ thể nếu trong năm tài chính lỗ hoặc còn lỗ lũy kế đến cuối năm tài chính thì được miễn lãi chậm nộp phát sinh.



1. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp tại Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính

Nếu trong năm tài chính doanh nghiệp kinh doanh có lãi và khi tính thêm lãi chậm nộp các khoản phải nộp về Quỹ (sau khi trừ các khoản bồi thường, xử lý trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp nếu có) dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm thua lỗ thì doanh nghiệp được miễn lãi chậm nộp tối đa bằng số lỗ phát sinh trong năm. Số liệu được xem xét dựa trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán hàng năm của doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp đã nộp vào ngân sách nhà nước hoặc đã nộp về tài khoản theo chỉ định của cơ quan đại diện chủ sở hữu thay vì nộp về Quỹ thì không tính lãi chậm nộp kể từ ngày doanh nghiệp đã nộp tiền.

- Nếu cơ quan có thẩm quyền chậm phê duyệt quyết toán dẫn đến doanh nghiệp chậm nộp tiền về Quỹ thì không tính lãi chậm nộp đối với thời gian chậm phê duyệt quyết toán.

- Doanh nghiệp CPH khi đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần không phát sinh dòng tiền dẫn đến chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định, doanh nghiệp được miễn lãi chậm nộp đối với:

- Khoản chênh lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước xác định lại tại thời điểm xác định GTDN với mức vốn điều lệ được xác định trong phương án CPH được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Phần vốn nhà nước tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán (nếu có) tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Phần vốn nhà nước tăng thêm do doanh nghiệp tiếp nhận tài sản (bao gồm cả dự án đầu tư xây dựng) từ nơi khác chuyển đến được hạch toán tăng vốn nhà nước từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Doanh nghiệp cổ phần hóa, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp báo cáo tình hình nộp tiền thu từ cổ phần hóa quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP, khoản 7 Điều 17 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.



2. Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính

Theo Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01/11/2022, đơn vị sự nghiệp công được phân loại theo mức độ tự chủ tài chính quy định tại Điều 9 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP gồm: Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đơn vị nhóm 1); Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2); Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3) và Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4).

Mức đảm bảo chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp được xác định như sau:

Mức tự đảm bảo chi thường xuyên = $(A / B) \times 100\%$. Trong đó: A là tổng các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính, B là tổng các khoản chi xác định mức tự chủ tài chính (theo Điều 10, khoản 1, Nghị định 60/2021/NĐ-CP).

Các khoản thu chi theo quy định trên được tính trên cơ sở dự toán thu, chi tại năm kế hoạch xây dựng phương án tự chủ tài chính, có xét đến yếu tố biến động do thay đổi chính sách, chế độ của Nhà nước, khả năng chi trả của các đối tượng thụ hưởng, tác động khách quan do thiên tai, dịch bệnh và các biến động kinh tế - xã hội bất thường khác.

Việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công được ổn định trong thời gian 05 năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội. Thời kỳ ổn định tự chủ tài chính lần đầu được áp dụng đến năm 2025.

3. Sửa đổi một số quy định liên quan đến kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải tại Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/09/2022 của Chính phủ

Theo Nghị định có hiệu lực từ ngày 30/10/2022, một số hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải được cắt giảm thời gian, đơn giản hóa thủ tục hành chính như: Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển; cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên. Ngoài ra, Nghị định còn sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan tới việc công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước.

Trong đó, đáng lưu ý là quy định về hồ sơ cấp GCN đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển từ 30/10/2022 được đơn giản hóa theo hướng bổ sung quy định có thể nộp bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc, hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trước đây chỉ có bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu).





4. Quy định về định danh và xác thực điện tử tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ

Có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2022, Nghị định quy định 3 mức độ tài khoản định danh điện tử là: tài khoản định danh điện tử mức độ 1 của cá nhân (gồm các thông tin cá nhân như số định danh cá nhân, họ tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính); tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của cá nhân (gồm các thông tin của mức độ 1 và có thêm thông tin sinh trắc học là ảnh chân dung, vân tay); tài khoản định danh điện tử của tổ chức (gồm mã định danh điện tử, tên tổ chức bằng tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có), tên tiếng nước ngoài (nếu có), ngày thành lập, địa chỉ nơi đặt trụ sở chính, số định danh, họ tên người đại diện theo pháp luật/người đứng đầu của tổ chức).

Chủ thể danh tính điện tử là cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam sẽ không phải thanh toán chi phí đăng ký tài khoản định danh điện tử và chi phí sử dụng tài khoản định danh điện tử nhưng nếu sử dụng dịch vụ xác thực điện tử phải thanh toán chi phí cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử theo quy định của pháp luật. Người từ đủ 14 tuổi trở lên được cấp tài khoản định danh điện tử.



D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Thông tư số 59/2022/TT-BTC ngày 29/09/2022 của Bộ Tài chính.
2. Quyết định 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/09/2022 của Thủ tướng.
3. Quyết định số 2268/QĐ-BHXH ngày 06/09/2022 của BHXH Việt Nam.
4. Quyết định số 1854/QĐ-BTC ngày 13/09/2022 của Bộ Tài chính



1/ Thông tư số 59/2022/TT-BTC ngày 29/09/2022 của Bộ Tài chính.

Ngày 29/09/2022 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 59/2022/TT-BTC quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ khó khăn cho hoạt động kinh doanh vận tải , cụ thể:

Nhiều khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực vận tải sẽ được cắt giảm từ 20% đến 50% mức thu trong thời gian từ ngày 01/10/2022 - 31/12/2023, bao gồm:

- Phí trọng tải tàu, thuyền đối với hoạt động hàng hải nội địa (giảm 20%);
- Phí bảo đảm hàng hải đối với hoạt động hàng hải nội địa (giảm 20%);
- Lệ phí ra, vào cảng biển đối với hoạt động hàng hải nội địa (giảm 20%);
- Phí thẩm định cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động hàng không dân dụng (giảm 20%);
- Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay (giảm 20%);
- Phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt (giảm 50%);
- Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa (giảm 50%)

Kể từ ngày 01/01/2023 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí nêu trên áp dụng lại theo biểu phí quy định tại Thông tư 193/2016/TTBTC, Thông tư 248/2016/TT-BTC, Thông tư 261/2016/TT-BTC và Thông tư 295/2016/TT-BTC.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2022 đến hết ngày 31/12/2022.

2/ Quyết định 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/09/2022 của Thủ tướng.

Ngày 22/09/2022, Thủ tướng ban hành Quyết định 19/2022/QĐ-TTg về chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2022-2024, cụ thể:

Mức chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2022- 2024 như sau:

- Mức chi phí quản lý BHXH (bao gồm bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp), BHTN thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 09/2021/UBTVQH15.
- Mức chi phí quản lý BHYT bình quân tối đa 3,5% tiền đóng BHYT, được trích từ quỹ BHYT, trong đó: năm 2022 tối đa 3,55%, năm 2023 tối đa 3,5% và năm 2024 tối đa 3,45%.

Dự toán chi phí quản lý BHYT hằng năm được xác định theo mức chi phí tính trên dự toán thu tiền đóng BHYT hằng năm.

Các đơn vị thực hiện sử dụng và quyết toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT được giao hằng năm theo chế độ quy định.

Quyết định 19/2022/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 10/11/2022.

3/ Quyết định số 2268/QĐ-BHXH ngày 06/09/2022 của BHXH Việt Nam.

Ngày 06/09/2021 BHXH Việt Nam ban hành Quyết định số 2268/QĐBHXH về việc ban hành Danh mục kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Cụ thể:

Quyết định công bố Danh mục 33 loại giấy tờ giải quyết chế độ BHXH đã được cấp điện tử, trong đó có:

- Danh sách giải quyết hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức;
- Quyết định về việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động;
- Quyết định về việc hưởng trợ cấp bệnh nghề nghiệp;
- Quyết định về việc điều chỉnh chế độ BHXH;
- Thông báo về việc chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH; tiếp nhận hồ sơ chờ lương hưu;
- Quyết định về việc hưởng trợ cấp một lần; hưởng chế độ hưu trí hàng tháng;
- Quyết định về việc hưởng BHXH một lần; hưởng trợ cấp tử tuất;

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

4/ Quyết định số 1854/QĐ-BTC ngày 13/09/2022 của Bộ Tài chính.

Ngày 13/09/2022 Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1854/QĐBTC về việc phê duyệt Chương trình hành động của Bộ Tài chính triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2030, Theo đó:

Quyết định phê duyệt các giải pháp, chính sách phát triển ngành Hải quan đến năm 2030, trong đó:

- Về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, sẽ áp dụng phương pháp quản lý theo chuỗi; từng bước triển khai bảo hiểm bảo lãnh thông quan đối với hàng hóa XNK; tái thiết kế quy trình thủ tục hải quan theo hướng số hóa, tự động hóa ngày càng cao; tiếp tục cải cách mô hình kiểm tra chất lượng, kiểm tra ATTP; triển khai mô hình thông quan tập trung theo vùng.
- Về quản lý thuế, sẽ áp dụng đồng bộ chính sách thuế, trong đó chú trọng áp dụng chính sách thuế GTGT, thuế TTĐB đối với hàng hóa tại khâu nhập khẩu thống nhất với hàng hóa tại khâu nội địa; bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hóa các mức thuế suất thuế xuất nhập khẩu; tái thiết kế quy trình thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, đồng bộ với quy trình thủ tục hải quan làm cơ sở số hóa các quy trình quản lý thuế từ khâu thu thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế... đến hoàn thuế, xử lý thuế nộp thừa.
- Về kiểm tra sau thông quan, nghiên cứu xây dựng mô hình kiểm tra sau thông quan tập trung ở cấp Tổng cục; áp dụng sâu rộng phương pháp kiểm tra sau thông quan; tiếp tục hoàn thiện quy định về doanh nghiệp ưu tiên trên cơ sở khuyến nghị của WCO.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



CPAVIETNAM



Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122



VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368



CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà
Hoàng Anh Safomec,
7/1 Thành Thái, P.14,
Q.10, TP. Hồ Chí
Minh.

Tel : 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959



CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng
Đạo, quận Hoàn
Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268
Fax: 024 7306 1269